



PHỤ LỤC 4
CÁC KHOẢN PHÍ NHẬP HỌC NĂM 2026
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ, CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ
LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

ĐVT: đồng

STT	Khối ngành	Học phí tạm thu học kỳ	Học phí tiếng Anh tạm thu	Chi phí bảo hiểm y tế	Chi phí bảo hiểm tai nạn	Tổng các khoản phí phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (3)+(4)+(5)+(6)
1	Chương trình liên kết đào tạo quốc tế					
1.1	Kế toán (song bằng 3+1), Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1)	33.280.000	11.495.000	853.875	81.000	45.709.875
1.2	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2), Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2), Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2+2)	34.730.000	11.495.000	853.875	54.000	47.132.875
1.3	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2)	34.730.000		853.875	54.000	35.637.875
1.4	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1)	35.090.000	11.495.000	853.875	81.000	47.519.875
1.5	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5)	35.090.000		853.875	81.000	36.024.875
1.6	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2)	35.090.000	11.495.000	853.875	54.000	47.492.875
1.7	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2), Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5)	35.090.000		853.875	54.000	35.997.875
1.8	Ngôn ngữ Trung Quốc (song bằng 2+2), Tài chính và kiểm soát (đơn bằng 2+2)	33.280.000		853.875	54.000	34.187.875
1.9	Ngôn ngữ Anh (đơn bằng 3+1)	33.280.000		853.875	81.000	34.214.875
1.10	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5)	39.050.000		853.875	81.000	39.984.875

STT	Khối ngành	Học phí tạm thu học kỳ	Học phí tiếng Anh tạm thu	Chi phí bảo hiểm y tế	Chi phí bảo hiểm tai nạn	Tổng các khoản phí phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (3)+(4)+(5)+(6)
2	Chương trình dự bị liên kết quốc tế					
2.1	Kế toán (song bằng 3+1), Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1),		10.285.000	853.875	81.000	11.219.875
2.2	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2), Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2), Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2), Kỹ thuật điện - điện tử (song bằng 2+2)		10.285.000	853.875	54.000	11.192.875
2.3	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5), Kinh doanh quốc tế (song bằng 3+1), Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5)		10.285.000	853.875	81.000	11.219.875
2.4	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2), Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2), Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5), Tài chính và kiểm soát (đơn bằng 2+2)		10.285.000	853.875	54.000	11.192.875